TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 153/2020/QĐST-HNGĐ	*Đại Từ, ngày 22 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 214/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị H, sinh năm 1985**

Bị đơn: **Trần Mạnh T, sinh năm 1985**

Đều trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Mạnh T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Mạnh T nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi cả hai con chung Trần Tuấn P sinh ngày 17/12/2016 và Trần Hà T sinh ngày 08/12/2017 cho đến khi các con trưởng

thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho mỗi con, hai con bằng 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng) cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị H tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước. Chuyển từ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ - BL số 0013390 ngày 23/6/2020.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN DUY KHÁNH